

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HS-ST
Ngày: 12 – 9 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Miêng

2. Ông Lê Văn Tài

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường Trung tâm văn hóa huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự số: 33/2017/TLST – HS ngày 28 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2479/2017/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn P, sinh ngày 15/5/1998; tại huyện P, tỉnh Bến Tre; tên gọi khác: Cày ghê; đăng ký thường trú: ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: 61/1 ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; CMND: 321604875; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn N (sống) và bà Trần Thị L (sống); bị cáo chưa có vợ; bị cáo có 02 người anh và 01 người chị, lớn nhất sinh năm 1987; nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 13 ngày 06/6/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại tòa.

2. Lê Văn Đ, sinh ngày 09/01/1992; tại huyện P, tỉnh Bến Tre; tên gọi khác: không; đăng ký thường trú: ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: 64/1 ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: nuôi trồng thủy sản; CMND: 321477116; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn H (sống) và bà Trần Thị A (sống); bị cáo chưa có vợ; bị cáo có 07 người anh, chị, em ruột (đã chết 02 người), lớn nhất sinh năm 1976; nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 12 ngày 06/6/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại tòa.

3. Lê Văn L, sinh ngày 20/10/1991; tại huyện P, tỉnh Bến Tre; tên gọi khác: Không; đăng ký thường trú: ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre; chỗ ở

hiện nay: 58/3 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm biển; CMND:321419149; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn T (sống) và bà Đoàn Thị L (sống); bị cáo chưa có vợ; bị cáo có 01 người em ruột sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 11 ngày 06/6/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại tòa.

- *Người bị hại:* Đoàn Văn K, sinh năm 1981. Đăng ký thường trú: ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

Ngô Văn C, sinh năm 1964. Đăng ký thường trú: ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Phan Văn T, sinh năm 1993. Đăng ký thường trú: ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Hồ Thị T, sinh năm 1970. Đăng ký thường trú: ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 30/5/2017, bị cáo Nguyễn Văn P (tên thường gọi là Cây Ghè) đến nhà bị cáo Lê Văn Đ, tại ấp ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do bị cáo P đã có ý định đến chòi giữ tôm của anh Đoàn Văn K (sinh năm 1981, đăng ký thường trú: ấp TP, xã TP) tại ấp TA, xã TH để trộm cắp tài sản nên nói với Đ: “Có mấy kèo thơm lắm, mày đi không”. Biết rõ ý định của bị cáo P là rủ đi trộm cắp tài sản, bị cáo Đ nói: “Ừ. 8, 9 giờ (tức 20, 21 giờ) có gì điện tao”. Khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo Đ và bị cáo Lê Văn L đang uống nước giải khát tại quán trà sữa Teen, thuộc ấp TA, xã TH thì P gọi điện thoại kêu Đ đến nhà của T, ở ấp ĐT, xã TP chơi. Nghe vậy, bị cáo Đ điều khiển xe mô tô chở bị cáo L đến nhà Thêm. Trên đường đi gặp bị cáo P, bị cáo Đ điều khiển xe chở bị cáo L và bị cáo P đi về hướng ngã ba đường vào Ủy ban nhân dân xã TH. Lúc này bị cáo P nói: “Có thằng này xài máy cạp, tui bây đi lấy không?” thì bị cáo Đ và L đồng ý. Bị cáo Đ tiếp tục điều khiển xe chở bị cáo L và bị cáo P trở lại quán trà sữa T uống nước. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo P, bị cáo Đ và bị cáo L đến nhà của ông N (nhà bỏ hoang) ngủ. Đến khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 31/5/2017, bị cáo P gọi bị cáo Đ và bị cáo L thức dậy, bị cáo Đ điều khiển xe chở bị cáo L và bị cáo P đến đường vào chòi giữ tôm của anh Kha. Bị cáo P kêu bị cáo L ở bên ngoài giữ xe, để bị cáo Đ và bị cáo P vào lấy trộm. Do sợ bị phát hiện nên bị cáo L điều khiển xe đi về hướng trụ sở Ủy ban nhân dân xã TH. Khi đến khu vực gần chòi giữ tôm, bị cáo P kêu bị cáo Đ vào lấy trộm, bị cáo P đứng bên ngoài chờ. Bị cáo Đ đi vào bên trong chòi có ánh đèn điện chiếu sáng, thấy anh K đang nằm ngủ, có 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3, màu vàng đang sạc pin để trong thùng. Bị cáo Đ đi xung quanh tìm thấy 01 lưỡi lam trên bàn, bị cáo Đ cầm lưỡi lam rạch thùng thùng 01 lỗ và đưa tay vào bên trong lấy điện thoại đem ra ngoài. Sau đó, bị cáo Đ gọi điện thoại kêu bị cáo L điều khiển

xe quay lại chờ bị cáo P và bị cáo Đ đi về. Khi về đến trước cửa nhà bị cáo Đ, bị cáo P kiểm tra thì phát hiện điện thoại bị cài mật khẩu, bị cáo P lấy điện thoại giao cho bị cáo Đ cất giữ.

Đến sáng ngày 31/5/2017, bị cáo Đ và bị cáo L đến quán trà sữa T uống nước, bị cáo Đ lấy điện thoại lấy trộm được tháo 02 thẻ sim ra vứt bỏ. Sau đó, bị cáo Đ điều khiển xe chở bị cáo L đem điện thoại đến cửa hàng điện thoại ở huyện MCN (không xác định được địa chỉ) để chạy lại chương trình và định đem đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, nhưng chưa kịp bán thì bị Công an mời làm việc. Qua xác minh, bị cáo Đ, bị cáo L và bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Đ đã đem điện thoại lấy trộm được giao nộp cho cơ quan Công an.

Tại Biên Kết luận định giá tài sản số: 69/KL-HĐĐG ngày 01/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện P xác định tài sản chiếm đoạt có tổng giá trị là 7.050.000đ (Bảy triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 25/KSĐT – KT, ngày 27/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Văn Đ, Lê Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và giữ nguyên quan điểm cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 20, 53, 60 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn L từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng về tội trộm cắp tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 53, 33 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 06 đến 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện giống như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre truy tố đối với các bị cáo. Người bị hại đã nhận lại đúng và đủ tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/5/2017 bị cáo P, bị cáo Đ, bị cáo L đã thống nhất cùng đột nhập vào bên trong chòi giữ tôm của anh Đoàn Văn Kha, tại ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre và lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu vàng nhạt, đời máy F3 năm 2017 của anh Đoàn Văn K.

[3] Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu vàng nhạt, đời máy F3 năm 2017, số Imei 1: 86366003231859, số Imei 2: 86366003231842, có gắn ốp lưng bằng nhựa trong suốt; 01 (một) cái mùng lưới màu hồng, kích thước: 1,95 mét x 1,5 mét x 1,5 mét, có nhiều vết rách được buộc bằng vải nilong, ở thân mùng có một vết rách dài 0,23 mét, hướng rách từ trái qua phải, từ trên xuống, đầu vết rách (đầu cao) cách nóc mùng 01 mét, cuối vết rách (đầu thấp) cách nóc mùng 1,1 mét.

[4] Tại kết luận định giá tài sản số: 69/KL – HĐĐG ngày 01/6/2017 của Hội đồng định giá huyện Thạnh Phú xác định 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng nhạt, đời máy F3 năm 2017, số Imei 1: 86366003231859, số Imei 2: 86366003231842, có gắn ốp lưng bằng nhựa trong suốt (Ốp lưng tặng theo máy). Tài sản đã qua sử dụng có giá trị là 6.990.000 đồng; 02 sim điện thoại của mạng Viettel (01 sim thường, 01 sim 3G), có giá trị 60.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 7.050.000 đồng.

[5] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra; chỉ vì động cơ tư lợi cá nhân, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, các bị cáo ý thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã thể hiện tính xem thường pháp luật của các bị cáo. Trong vụ án này mang tính chất đồng phạm giản đơn các bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên vai trò là như nhau.

[7] Tuy nhiên, xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đ, bị cáo L, bị cáo P khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải đối với hành vi các bị cáo đã thực hiện, các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó cần cho bị cáo L, bị cáo Đ, bị cáo P được hưởng các tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đồng thời bị cáo Đ có cha và bị cáo L có ông ngoại là thương binh, do đó cần cho bị cáo L, bị cáo Đ hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo P trước khi phạm tội không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo P có nhân thân không tốt, bị cáo P có nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại địa phương nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và cũng chưa bị xử lý vi phạm hành chính; mặt khác trong thời gian truy tố chờ xét xử bị cáo P bị Công an xã TH, huyện P xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” điều đó thể hiện tính xem thường pháp luật

của bị cáo P nên cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc hơn đối với bị cáo L, bị cáo Đ mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo P thành dân tốt cho xã hội.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu tang vật là 01 (một) cái mùng lưới màu hồng, kích thước: 1,95 mét x 1,5 mét x 1,5 mét, có nhiều vết rách được buộc bằng vải nilong, ở thân mùng có một vết rách dài 0,23 mét, hướng rách từ trái qua phải, từ trên xuống, đầu vết rách (đầu cao) cách nóc mùng 01 mét, cuối vết rách (đầu thấp) cách nóc mùng 1,1 mét hiện không còn giá trị sử dụng và người bị hại không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra bị hại đã nhận lại đúng và đủ tài sản bị mất không có yêu cầu giải quyết trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Văn Đ, Lê Văn L phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1 Điều 46, 20, 53, 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, 20, 53, 60 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 12.9.2017.

Giao bị cáo Lê Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp trong thời gian thử thách nếu bị cáo Lê Văn Đ có thay đổi nơi cư trú thì thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, 20, 53, 60 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn L 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 12.9.2017.

Giao bị cáo Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp trong thời gian thử thách nếu bị cáo Lê Văn Đ có thay đổi nơi cư trú thì thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

4. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy vật chứng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật gồm: 01 (một) cái mùng lưới màu hồng, kích thước: 1,95 mét x 1,5 mét x 1,5 mét, có nhiều vết rách được buộc bằng vải nilong, ở thân mùng có một vết rách dài 0,23 mét,

hướng rách từ trái qua phải, từ trên xuống, đầu vết rách (đầu cao) cách nóc mùng 01 mét, cuối vết rách (đầu thấp) cách nóc mùng 1,1 mét. Vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 10/KSĐT – KT ngày 27/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

5. Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Trong sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Bến Tre ;*
- *CA huyện Thạnh Phú ;*
- *VKSND huyện Thạnh Phú ;*
- *Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;*
- *UBND xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú;*
- *UBND xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú;*
- *Bị cáo, bị hại;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

